

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/HNGĐ-PT  
Ngày 08 - 4 - 2019  
V/v tranh chấp về chia tài sản sau  
khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh Thị Quý Chi

*Các thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nhân

Ông Nguyễn Văn Thư

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lê Thế H- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa:**  
Ông Bùi Văn T - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 4 năm 2019, tại phòng xét xử C - Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 08/2019/TLPT-HNGĐ ngày 15 tháng 02 năm 2019 về “Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn”.

Do Bản án số 66/2018/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2019/QĐ-PT ngày 14 tháng 3 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 04/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Giáp Thị H, sinh năm 1977 (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh Đ, sinh năm 1976 (có mặt)

Các đương sự cùng cư trú tại: Số 99, tổ 1, khu phố 3, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

3. *Người làm chứng:* Bà Lâm Thị H, sinh năm 1949, cư trú tại: Số 99, tổ 1, khu phố 3, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn chị Giáp Thị H.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Giáp Thị H trình bày:**

Chị H, anh Đ kết hôn với nhau từ năm 2000. Do quá trình chung sống hai bên có mâu thuẫn nên đã yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và hòa giải thành số 43/2015/QĐST-HNGĐ ngày 03/4/2015 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước. Khi ly hôn

vợ chồng không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề tài sản chung. Sau khi ly hôn giữa chị H, anh Đ cũng không thể tự thỏa thuận việc phân chia tài sản chung là 01 xe ô tô nhãn hiệu Transinco, biển số 93B-00313, người đăng ký sử dụng xe là anh Đức.

Nguồn gốc chiếc xe là do trước đây bà Lâm Thị H - mẹ anh Đ cho vợ chồng chị H, anh Đ số tiền 250.000.000đồng. Vợ chồng lấy số tiền này cộng với tiền đi vay mượn mua được 01 chiếc xe chở khách của bà Sáu Ninh (xe này đã bán) với giá là 400.000.000 đồng. Sau khi mua xe vợ chồng kinh doanh làm ăn trả hết nợ rồi lại bán xe lấy tiền đi mua chiếc xe nhãn hiệu Transinco, biển số 93B-00313 ngày nay với giá là 500.000.000đồng. Hiện nay xe đang chạy tuyến Chơn Thành đi Bến xe Miền Đông và ngược lại. Để được chạy xe trên tuyến đường này thì anh Đ phải đóng 300.000.000đồng, do đó tính cả trị giá mua tuyến đường thì chiếc xe hiện nay có tổng trị giá 700.000.000đồng.

Tại đơn khởi kiện bà Hường yêu cầu Tòa án giải quyết chia giao xe ô tô nhãn hiệu Transinco, biển số 93B-00313 cho ông Đức quản lý sử dụng. Ông Đ phải trả lại cho bà H  $\frac{1}{2}$  giá trị xe và tuyến đường chạy dịch vụ tương đương với 350.000.000đồng.

***\* Bị đơn anh Lê Minh Đ trình bày:***

Anh Đ thống nhất với lời khai trình bày của chị H về quan hệ hôn nhân, ly hôn. Tuy nhiên, theo anh Đ thì sau khi ly hôn vợ chồng đã tự thỏa thuận chia tài sản chung với nhau trong đó xác định tài sản chung có chỉ là số tiền 250.000.000đồng do bà H cho trong thời kỳ hôn nhân chia ra mỗi người được 125.000.000đồng. Do anh Đ đi học nghề lái xe hết 25.000.000đồng nên tính luôn là tài sản chung đồng thời anh Đ trả cho chị H 25.000.000đồng chi phí học lái xe, tính tổng cộng chia cho chị H 150.000.000 đồng. Việc trả tiền do vợ chồng thỏa thuận sau đó đi công chứng đưa tiền. Nhưng không hiểu tại sao chị H lại làm thành văn bản công chứng trả nợ 150.000.000đồng.

Về xe ô tô nhãn hiệu Transinco, biển số 93B-00313 thì xe này không phải là của chung mà do mẹ anh Đ là bà H cho riêng tiền để anh Đ mua nên xe ô tô 93B-00313 là của anh Đ. Việc chị H khởi kiện yêu cầu anh Đ phải hoàn trả  $\frac{1}{2}$  giá trị xe và tuyến đường xe đang chạy dịch vụ tương đương với 350.000.000đồng thì anh Đ không đồng ý.

***\* Người làm chứng bà Lâm Thị H trình bày:***

Bà H xác nhận có cho tiền anh Đ, chị H với số tiền là 250.000.000đồng sau đó cho thêm anh Đ 400.000.000 đồng để mua xe của bà Sáu N. Sau khi anh Đ chuyển nhượng xe của bà Sáu N, để có tiền mua xe khác anh Đ xin và bà H tiếp tục cho anh Đ thêm 350.000.000đồng để mua xe ô tô biển số 93B-00313.

Về số tiền 150.000.000đồng anh Đ trả cho chị H tại phòng công chứng bà H xác nhận thực chất giữa hai bên không có khoản nợ nào. Đây chính là số tiền mà bà H đã cho chị H, anh Đ sau khi cho thuê nhà 250.000.000đồng, chị H đòi nên bà H đã bảo anh Đ hoàn trả cho bà H còn nội dung chia tài sản tại sao lại viết thành trả nợ thì bà H không biết.

***Tại bản án sơ thẩm số 66/2018/HNGĐ-ST ngày 14 tháng 12 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành quyết định.***

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Giáp Thị H đối với anh Lê Minh Đ về chia tài sản chung của vợ chồng sau khi ly hôn.

2. Chia giao xe ô tô biển số 93B-00313 cho anh Lê Minh Đ được quyền quản lý sử dụng.

3. Anh Lê Minh Đ có nghĩa vụ thanh toán cho chị H số tiền chênh lệch giá trị tài sản được nhận là 125.000.000đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên nghĩa vụ chịu án phí, các chi tố tụng, quyền kháng cáo và nghĩa vụ thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 26/12/2018, nguyên đơn chị H có đơn kháng cáo Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng giao cho chị H chiếc xe ô tô biển kiểm soát 93B-003.13 và lộ trình được đăng ký chạy xe từ thị trấn Chơn Thành huyện Chơn Thành đến bến xe Miền Đông, thuộc thành phố Hồ Chí Minh và ngược lại; chị H đồng ý có trách nhiệm trả cho anh Lê Minh Đ số tiền 350.000.000đồng.

**\* Tại phiên tòa:**

- Chị H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

- Các đương sự nhất trí với kết quả định giá tài sản tranh chấp tại cấp sơ thẩm, theo đó trị giá xe là 250.000.000đồng.

- Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án. Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như các đương sự đã tuân thủ đầy đủ và thực hiện đúng với quy định của pháp luật.

Về nội dung: Do các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án. Việc thỏa thuận của các bên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các quy định của pháp luật công nhận sự thỏa thuận của các bên đương sự.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn chị Giáp Thị H và bị đơn anh Lê Minh Đ đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án như sau:

- Chiếc xe ô tô hiệu Transinco biển số 93B-003.13 là tài sản chung của chị Giáp Thị H và anh Lê Minh Đ.

- Anh Lê Minh Đ được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu chiếc xe ô tô trên và có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho chị Giáp Thị H trị giá chia tài sản với số tiền là 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), phương thức thanh toán số tiền này được thực hiện như sau:

+ Trong thời hạn 22 ngày, tính từ ngày 08/4/2019 đến ngày 30/4/2019, anh Đức có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng).

+ Trong thời hạn 03 (ba) tháng, tính từ ngày 01/5/2019 đến hết ngày

01/8/2019, anh Đ có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) còn lại.

[2] Án phí và chi phí tố tụng: Do các bên không tự thỏa thuận được với nhau về trách nhiệm chịu án phí và chi phí tố tụng khác và đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo pháp luật nên Hội đồng xét xử căn áp dụng Điều 157, 165 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 300 và khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên:

- Chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.000.000đồng. Các đương sự mỗi người phải chịu 50% chi phí này, tương ứng với 1.000.000đồng/người. Do bà H đã nộp toàn bộ số tiền 2.000.000đồng nên anh Đ phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị H số tiền 1.000.000đồng.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Chị H phải chịu  $250.000.000đ \times 5\% = 12.500.000đ$ ồng.

- Án phí phúc thẩm: Chị H phải chịu 300.000đồng.

Xét, tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và việc thỏa thuận trên là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, do đó cần sửa bản án sơ thẩm, công nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

[3] Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn chị Giáp Thị Hường.

Sửa Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 66/2018/HNGĐ-ST ngày 14/12/2018 của Tòa án nhân dân huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 đã được sửa đổi bổ sung năm 2010; Điều 33, 59 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn chị Giáp Thị H và bị đơn anh Lê Minh Đ về các nội dung sau:

Chiếc xe ô tô hiệu Transinco biển số 93B-003.13, số khung KMJHD17AP5C 901907, số động cơ D4DA5 253692 là tài sản chung của chị Giáp Thị H và anh Lê Minh Đ.

Anh Lê Minh Đ được quyền quản lý, sử dụng và sở hữu chiếc xe ô tô trên và có nghĩa vụ thanh toán (trả) cho chị Giáp Thị H trị giá chia tài sản với số tiền 250.000.000đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng), phương thức thanh toán số tiền này được thực hiện như sau:

+ Trong thời hạn 22 ngày, tính từ ngày 08/4/2019 đến ngày 30/4/2019, anh Đ có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 100.000.000đồng (một trăm triệu đồng).

+ Trong thời hạn 03 (ba) tháng, tính từ ngày 01/5/2019 đến hết ngày 01/8/2019, anh Đ có nghĩa vụ trả cho chị H số tiền 150.000.000đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) còn lại.

2. Chi phí tố tụng khác: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản để giải quyết vụ án là 2.000.000đồng. Các đương sự mỗi người phải chịu  $\frac{1}{2}$  chi

phí trên, tương ứng với 1.000.000đồng/người. Do chị H đã nộp toàn bộ số tiền trên nên anh Đ phải có trách nhiệm hoàn trả cho chị H số tiền 1.000.000đồng.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Chị Giáp Thị H phải chịu 12.500.000đồng. Khấu trừ số tiền 4.375.000đồng tạm ứng án phí chị H đã nộp theo Biên lai thi tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008084, ngày 23/5/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành thì chị H còn phải nộp 8.125.000đồng (tám triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng); Anh Lê Minh Đ không phải chịu.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: chị Giáp Thị H phải chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm chị H đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009829 ngày 08/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

5. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra Quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền) nếu bên phải thi hành chậm thi hành thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

6. Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Chơn Thành;
- Chi cục THA DS huyện Chơn Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA, TGD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đinh Thị Quý Chi**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 01/BBNA-TA

*Bù Đăng, ngày 27 tháng 3 năm 2019*

**BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Vào hồi 10 giờ 30 phút ngày 27/7/2017 tại phòng nghị án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

**Hội đồng xét xử phúc gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đinh thị Quý Chi.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Nhân và ông Nguyễn Văn Thư

Tiến hành nghị án đối với vụ án thụ lý số 08/2019/TLPT-HNGD ngày 15/02/2019 về “*Tranh chấp tài sản chung sau ly hôn*” giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Giáp Thị Hương, sinh năm 1977 (có mặt)

Bị đơn: Ông Lê Minh Đức, sinh năm 1976 (có mặt)

Cùng có địa chỉ cư trú: Tổ 3, khu phố 1, thị trấn Chơn Thành, huyện Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

.....

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. (Biểu quyết 3/3).

Ngoài ra chúng tôi không quyết định nội dung gì thêm. Biên bản kết thúc vào lúc 10 giờ 00 phút, cùng ngày. Thành viên hội đồng xét xử thống nhất và đồng ý ký tên vào biên bản./.

**Nơi nhận:**

**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa.**

-

